

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2021/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho thành phố Thủ Đức
và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách
trên địa bàn thành phố Thủ Đức năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BỐN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện;

Xét Tờ trình số 692/TTr-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho thành phố Thủ Đức và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố Thủ

Đức năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 140/BC-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách của thành phố Thủ Đức và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố Thủ Đức năm 2021 (*theo Quy định đính kèm*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao nhiệm vụ thu, chi cho các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố Thủ Đức; phân bổ dự toán thu - chi ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

2. Trên cơ sở Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các đơn vị và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức tổ chức quản lý, điều hành ngân sách các cấp trên địa bàn thành phố Thủ Đức theo đúng quy định, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ chính trị được giao tại địa phương.

3. Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp chính sách thay đổi làm nguồn thu của ngân sách thành phố Thủ Đức biến động lớn, ảnh hưởng đáng kể đến khả năng huy động nguồn thu và thực hiện nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách trên địa bàn thành phố Thủ Đức thì Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét trình Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh việc phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp trên địa bàn thành phố Thủ Đức phù hợp với tình hình thực tế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Khóa IX, Kỳ họp thứ hai mươi bốn thông qua ngày 23 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 4 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho thành phố Thủ Đức
và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách
trên địa bàn thành phố Thủ Đức năm 2021**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2021
của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

A. VỀ NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA TỪNG CẤP NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

I. NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

1. Nguồn thu của ngân sách thành phố Thủ Đức:

1.1. Các khoản thu ngân sách thành phố Thủ Đức hưởng 100%:

a) Thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) của các doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc cơ quan thuế thành phố Thủ Đức quản lý;

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp (trừ thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình);

c) Lệ phí môn bài (trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh) của các doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc cơ quan thuế thành phố Thủ Đức quản lý;

d) Lệ phí trước bạ nhà, đất trên địa bàn thành phố Thủ Đức;

đ) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho thành phố Thủ Đức;

e) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thuộc thành phố Thủ Đức thực hiện; trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Thủ Đức quản lý thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;

g) Lệ phí do các cơ quan nhà nước thuộc thành phố Thủ Đức thực hiện thu (không kể lệ phí trước bạ nhà, đất và lệ phí môn bài);

h) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Thủ Đức xử lý sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

i) Thu từ bán tài sản nhà nước (trừ tài sản là nhà, đất) do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Thủ Đức quản lý;

k) Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị do thành phố Thủ Đức quản lý;

l) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách thành phố Thủ Đức;

m) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách thành phố Thủ Đức;

n) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định xử phạt, tịch thu;

o) Tiền chậm nộp phát sinh từ đối tượng thuộc Thành phố Thủ Đức quản lý (trừ những khoản chậm nộp phát sinh từ những khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách trung ương, ngân sách thành phố Hồ Chí Minh và ngân sách thành phố Thủ Đức quy định tại Điểm 3 Mục I Phần B Quy định này).

p) Thu kết dư ngân sách quận 2, 9 và Thủ Đức;

q) Các khoản thu khác của ngân sách thành phố Thủ Đức theo quy định của pháp luật.

1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách thành phố Hồ Chí Minh và ngân sách thành phố Thủ Đức: thực hiện theo Mục I Phần B Quy định này.

1.3. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp thành phố Thủ Đức và ngân sách cấp phường: Thực hiện theo Mục II Phần B Quy định này.

1.4. Thu bổ sung từ ngân sách thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Thu chuyển nguồn của ngân sách Quận 2, 9 và Thủ Đức từ năm trước chuyển sang.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Thủ Đức

2.1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các dự án do thành phố Thủ Đức quản lý thuộc dự án nhóm C trong phạm vi địa giới thành phố Thủ Đức (không thuộc các dự án nhóm C do các Sở quyết định đầu tư) từ nguồn vốn đầu tư cấp Thành phố phân cấp và nguồn ngân sách thành phố Thủ Đức.

b) Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Chi thường xuyên:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; bao gồm:

- Giáo dục trung học cơ sở, tiểu học, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo và các hoạt động giáo dục khác do thành phố Thủ Đức quản lý;

- Đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác do thành phố Thủ Đức quản lý;

b) Chi nhiệm vụ ứng dụng khoa học và công nghệ, trừ nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và trật tự - an toàn xã hội (phần giao cho thành phố Thủ Đức thực hiện).

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

Các hoạt động thuộc lĩnh vực y tế, dân số và gia đình do Thành phố phân cấp; thanh toán kinh phí mua thẻ Bảo hiểm y tế theo quy định phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin: hoạt động văn hóa nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác thuộc thành phố Thủ Đức quản lý;

e) Sự nghiệp phát thanh: phát thanh và các hoạt động thông tin khác thuộc thành phố Thủ Đức quản lý.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao: bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển và các giải thi đấu của thành phố Thủ Đức; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường: quét, thu gom rác đường phố; vận chuyển rác (thực hiện theo Quyết định phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh) và công tác môi trường khác phân cấp cho thành phố Thủ Đức.

i) Các hoạt động kinh tế do thành phố Thủ Đức quản lý:

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, ngư nghiệp thuộc thành phố Thủ Đức quản lý; công tác khuyến khích nông, khuyến ngư;

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác được Thành phố Hồ Chí Minh phân cấp;

- Sự nghiệp thị chính: thanh toán tiền điện chiếu sáng công cộng hệ dân lập; chăm sóc hệ thống công viên cây xanh (via hè, công viên, tiểu đảo); duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước, nạo, vét kênh, rạch được Thành phố Hồ Chí Minh phân cấp quản lý và các sự nghiệp thị chính khác phân cấp cho thành phố Thủ Đức;

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật do thành phố Thủ Đức quản lý; bao gồm:

- Hoạt động của các cơ quan nhà nước thuộc thành phố Thủ Đức quản lý;

- Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở thành phố Thủ Đức: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

- Hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác thuộc thành phố Thủ Đức quản lý theo quy định của pháp luật.

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm các trường, trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do thành phố Thủ Đức quản lý và các hoạt động xã hội khác.

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

2.4. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp thành phố Thủ Đức.

II. NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG

1. Nguồn thu của ngân sách cấp phường

1.1. Các khoản thu ngân sách cấp phường hưởng 100%:

a) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

b) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;

c) Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị do phường quản lý;

d) Thu đấu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do phường quản lý;

đ) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp phường theo quy định của pháp luật;

e) Huy động, đóng góp tự nguyện từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp phường theo quy định của pháp luật;

g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thuộc cấp phường thực hiện; trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ;

h) Lệ phí do các cơ quan nhà nước thuộc cấp phường thực hiện thu (không kể lệ phí trước bạ nhà, đất và lệ phí môn bài);

i) Các khoản thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường quyết định xử phạt, tịch thu.

k) Tiền chậm nộp phát sinh từ đối tượng thuộc phường quản lý.

l) Các khoản thu khác của ngân sách cấp phường theo quy định của pháp luật;

m) Thu kết dư ngân sách cấp phường.

1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp thành phố Thủ Đức và ngân sách cấp phường: thực hiện theo Mục II Phần B Quy định này.

1.3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp thành phố Thủ Đức;

1.4. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp phường từ năm trước chuyển sang.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp phường

2.1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư và sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của cấp phường từ nguồn huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân phường quyết định đưa vào ngân sách cấp phường quản lý;

b) Chi đầu tư, sửa chữa các công trình đầu tư xây dựng cơ bản của cấp phường từ nguồn kết dư ngân sách phường theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân phường quyết định chủ trương thực hiện.

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Chi thường xuyên:

a) Hỗ trợ hoạt động giáo dục (bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo) trên địa bàn phường;

b) Công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội ở phường;

c) Hỗ trợ hoạt động y tế trên địa bàn phường;

d) Các hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao do phường quản lý;

đ) Quản lý duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình phúc lợi, đường giao thông do phường quản lý;

e) Các hoạt động xã hội do phường quản lý;

g) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường; khoán quỹ phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, tổ dân phố và hỗ trợ kinh phí hoạt động ở khu phố...;

h) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp phường.

B. TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

I. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương, ngân sách thành phố Hồ Chí Minh và ngân sách thành phố Thủ Đức

1. Thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí) thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do cơ quan thuế thành phố Thủ Đức thu.

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh

từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí) do cơ quan thuế thành phố Thủ Đức thu.

3. Tiền chậm nộp phát sinh từ các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa ngân sách trung ương, ngân sách thành phố Hồ Chí Minh và ngân sách thành phố Thủ Đức.

Phân chia theo tỷ lệ như sau:

Ngân sách trung ương	Ngân sách thành phố Hồ Chí Minh	Ngân sách thành phố Thủ Đức
82%	0%	18%

II. Khoản thu thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình được phân chia giữa ngân sách cấp thành phố Thủ Đức và ngân sách cấp phường

Phân chia theo tỷ lệ như sau:

Cấp ngân sách	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình
Ngân sách cấp thành phố Thủ Đức	80%
Ngân sách cấp phường	20%

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ